

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH K

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 41/2024/HS-ST

Ngày 29-10-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH K

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Khen

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Y Hồng, bà Y Liên

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh K tham gia phiên tòa: Ông Hà Sỹ Thái – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 10 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh K, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 41/2024/TLST – HS ngày 29 tháng 8 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2024/QĐXXST -HS ngày 16 tháng 9 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 57/2024/QĐST-HS ngày 30 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo: Lương Văn T; tên gọi khác: Không; sinh ngày: 17/10/1972 tại tỉnh N; nơi cư trú: Bản M, xã B, huyện C, tỉnh N; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 04/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn X (đã chết), con bà Lô Thị T; có vợ là Vi Thị C và 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Trước khi bị truy tố bị Toà án nhân dân huyện T, tỉnh N xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số: 63/2022/HS-ST ngày 27/7/2022, chấp hành xong án phạt tù ngày 30/4/2023. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

- **Người Bị hại:** Anh Triệu Sinh T, sinh năm: 1988 (người có nhược điểm về thể chất, tinh thần sau vụ tai nạn); địa chỉ: Xóm M, xã H, huyện Đ, tỉnh T. Người đại diện hợp pháp cho bị hại Triệu Sinh T là ông Triệu Văn Đ, sinh năm: 1967 và bà Triệu Thị X, sinh năm: 1967 (là bố, mẹ đẻ của T); cùng địa chỉ: Xóm M, xã H, huyện Đ, tỉnh T, uỷ quyền cho chị Triệu Thị H, sinh năm: 1984 (chị gái của T); địa chỉ: Thôn I, xã P, huyện N, tỉnh K. Có mặt.

- **Người bào chữa cho bị cáo** Lương Văn T là ông Nguyễn Văn Đ – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh K. Có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Tô Văn C (tên khác: Tô Văn C), sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện N, tỉnh K. Có mặt.

2. Chị Triệu Thị C, sinh năm: 1990 (vợ của Triệu Sinh T); địa chỉ: Xóm M, xã H, huyện Đ, tỉnh T. Có đơn xin vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Ông Ngân Bá T, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện N, tỉnh K (chết năm 2023). Người đại diện hợp pháp cho ông Ngân Bá T là bà Nông Thị T (vợ ông T); địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện N, tỉnh K. Vắng mặt.

2. Chị Bùi Quỳnh T, sinh năm: 2000; địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện N tỉnh K. Vắng mặt.

3. Chị Bùi Thị N, sinh năm: 1983; địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện N, tỉnh K. Có đơn xin vắng mặt.

4. Anh Vi Văn T, sinh năm 1990; địa chỉ: Bản B, xã Y, huyện Cg, tỉnh N. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tô Văn C, Ngân Bá T, Lương V, Vi Văn T đều là lao động tự do cùng làm công trình đổ bê tông tại thôn I, xã P, huyện N, tỉnh K. Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 30/9/2017 sau khi nghỉ làm thì một gia đình gần lán công trình nhờ C, T1, T2, T3 khiêng hộ tấm gỗ và cho 100.000 đồng. Cả nhóm thống nhất lấy số tiền này mua rượu về uống tại lán. Vi Văn T mua 1,5 lít rượu và mời, rồi tất cả cùng nhậu tại lán. Sau khi uống hết 1,5 lít rượu, T3 tiếp tục đi mua thêm 01 lít rượu và mời, rồi cả bốn tiếp tục nhậu cho đến khoảng 21 giờ cùng ngày thì nghỉ. Vi Văn T3 say nên ngủ lại tại lán. Tô Văn C say có ý định ở lại lán và nói “Anh xin quá, anh không về được”. Lương Văn T nghe vậy nói “Em chở hai anh về nhà được”. Nghe T1 nói vậy thì C đưa chìa khóa xe mô tô của mình BKS 82E1-139.74 cho T1. T1 cầm chìa khóa xe đi ra nổ máy, bật đèn chiếu sáng. C đi theo sau ngồi giữa, T2 đi ra ngồi sau cùng.

Lương Văn T điều khiển xe mô tô biển số 82E1-139.74 chở theo C, T2 từ lán lưu thông trên đường QL40 hướng từ Cửa khẩu quốc tế B đi thị trấn P. Khi T1 điều khiển xe chạy đến địa giới hành chính thôn B, xã P, do không tuân thủ quy định về tốc độ đã tông vào người đi bộ là anh Triệu Sinh T (Sinh năm 1988, HKTT: Xóm M, xã H, huyện Đ, tỉnh T) tạm trú tại thôn B, xã P, huyện N, tỉnh K đang từ bên trái đường qua bên phải đường theo chiều hướng lưu thông của xe mô tô. Hậu quả: Anh Triệu Sinh T bị thương được đưa đi cấp cứu, chữa trị tại Bệnh viện Quân Y 211 tỉnh G, sau đó được chuyển đến Bệnh viện đa khoa trung ương Thái Nguyên cho đến ngày 13/11/2017 thì

ra viện về nhà tự điều trị. Còn T1 được cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh K; T2, C được đưa vào Bệnh viện Đa khoa khu vực N.

Sau khi sự việc xảy ra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm phương tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông.

* Khám nghiệm hiện trường thể hiện:

Đoạn đường nơi xảy ra tai nạn có kết cấu bê tông nhựa, đường thẳng, bằng phẳng, tầm nhìn rộng, thông thoáng; lòng đường rộng 14m, được phân chia thành hai làn đường xe lưu thông ngược chiều riêng biệt bằng vạch sơn đứt quãng màu vàng ở giữa; tiếp giáp với lòng đường hai bên là vỉa hè, mỗi bên rộng 06m. Phía Bắc tiếp giáp với khu nhà cho thuê của ông Quách Công M, tiệm sửa chữa Honda; phía Nam tiếp giáp với quán cà phê của bà Bùi Thị N và một số nhà dân. Phía Đông và phía Tây là quốc lộ 40 kéo dài về hai hướng thị trấn P và cửa khẩu quốc tế B huyện N.

- Chọn hướng khám nghiệm là hướng từ cửa khẩu quốc tế B đi thị trấn P, huyện N. Chọn trụ điện số 5A-LT84 bên trái hiện trường làm điểm mốc (điểm chuẩn). Chọn mép đường bên phải hướng khám nghiệm làm mép chuẩn để định vị vị trí, dấu vết tại hiện trường.

- Theo hướng khám nghiệm toàn bộ dấu vết, phương tiện nằm trên làn đường bên phải, tại hiện trường phát hiện 03 vết cà, 01 xe mô tô, 03 vết máu:

+ Vết cà 1 dài 02m được xác định do mặt ngoài gác chân trước bên phải khi xe mô tô đổ nghiêng tạo ra, chiều hướng từ cửa khẩu quốc tế B đi thị trấn P, đầu vết cà cách mép chuẩn là 1,85m; cuối vết cà cách mép chuẩn là 02m, cách đầu vết cà 2 là 0,6m.

+ Vết cà 2 dài 9,4m được xác định do mặt ngoài gác chân trước bên phải khi xe mô tô đổ nghiêng tạo ra, có chiều hướng như vết cà 1; đầu vết cà cách mép chuẩn là 1,45m, cuối vết cà cách mép chuẩn là 0,4m; đầu vết cà 2 cách đầu vết cà 3 là 3m; cuối vết cà 2 nằm tại vị trí gác chân trước bên phải xe mô tô.

+ Vết cà 3 dài 0,3m được hình thành do gương chiếu hậu bên phải xe mô tô đổ tạo ra, có chiều hướng như vết cà 1; đầu vết cà cách mép chuẩn là 1,7m, cuối vết cà cách mép chuẩn là 1,65m.

+ Xe mô tô biển kiểm soát 82E1-139.74 ngã nghiêng bên phải, đầu xe quay về hướng Bắc, đuôi xe quay về hướng Nam; tâm trục trước cách mép chuẩn là 01m, cách tâm vết máu 1 là 1,4m, cách tâm vết máu 2 là 02m, cách tâm vết máu 3 là 2,1m; tâm trục sau xe mô tô nằm trên mép chuẩn.

+ Vết máu 1 có diện tích $(02 \times 3,2)m^2$, tâm vết máu cách mép chuẩn là 2,3m; Vết máu 2 có diện tích $(0,5 \times 0,4)m^2$, tâm vết máu cách mép chuẩn là 0,6m; Vết máu 3 có diện tích $(0,9 \times 0,2)m^2$, tâm vết máu nằm ngoài lòng đường, cách mép chuẩn là 0,23m.

- Điểm chuẩn đến đầu vết cà 1 là 20,6m, đến đầu vết cà 2 là 22,65m, đến đầu vết cà 3 là 26,25, đến tâm trục trước xe mô tô là 31,5m, cách tâm vết máu 1 là 31m.

Căn cứ vị trí xe mô tô, chiều hướng vết cà, các dấu vết khác tại hiện trường xác định điểm dừng giữa xe mô tô và người đi bộ thuộc làn đường bên phải hướng khám nghiệm; vị trí điểm dừng là phía trước vết cà 1, cách vết cà 1 là 2,5m, cách mép chuẩn là 2,8m, cách điểm mốc là 20,6m, cách đầu vết cà 2 là 4,7m, cách đầu vết cà 3 là 7,7m, cách trục trước xe mô tô là 14,15m, cách trục sau xe mô tô là 14m, cách tâm vết máu 1 là 14,5m.

- Kết luận giám định pháp y về thương tích như sau: Căn cứ vào bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 42 ngày 12/02/2018 của Trung tâm pháp y tỉnh T kết luận: Anh Triệu Sinh T tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 79% (Bảy mươi chín phần trăm).

* Tại kết luận giám định tư pháp phương tiện xe mô tô BKS 82E1-139.74 ngày 21/11/2017 thể hiện:

Bên ngoài xe: Manh chắn gió bên trái nứt, bể. Mặt trước đèn chiếu sáng phía bên phải bị trầy xước. Giá gương chiếu hậu bên phải bị chà mòn. Ốp nhựa tại vị trí phuộc trước phía bên phải bị nứt một đường dài 10cm. Mặt ngoài gác chân người lái phía bên phải bị chà mòn.

Hệ thống phanh: Phanh trước, phanh sau đều có hiệu lực.

Hệ thống lái: Hoạt động bình thường.

Hệ thống đèn: Tại thời điểm kiểm tra, công tắc đèn đang ở vị trí bật, đèn có phát sáng khi bật công tắc.

* Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 176/KL-HĐĐG ngày 09/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự huyện N kết luận: Các hư hỏng của xe mô tô biển số đăng ký 82E1-139.74 là 980.000đ (Chín trăm tám mươi nghìn đồng).

Về vật chứng liên quan đến vụ án, Cơ quan điều tra đã tạm giữ: 01 xe mô tô biển kiểm soát 82E1 – 139.74.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi gây ra tai nạn đến nay bị cáo Lương Văn T chưa hỏi thăm, bồi thường, khắc phục gì cho bị hại Triệu Sinh T. Gia đình bị hại Triệu Sinh T yêu cầu bị cáo bồi thường toàn bộ thiệt hại là 400.000.000 đồng và đề nghị xử lý nghiêm trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Bản Cáo trạng số: 31/CT-VKS ngày 26/8/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố Lương Văn T về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo điểm b khoản 1; điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như nội dung bản Cáo trạng đã nêu, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp điểm b khoản 1; điểm a khoản 2 Điều 260; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38

của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lương Văn T từ 03 đến 04 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Không áp dụng hình phạt bổ sung. Không xem xét vấn đề dân sự. Trả lại cho bà ông Tô Văn C 01 xe mô tô BKS 82E1-139.74 kèm theo giấy tờ xe và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Tại phiên tòa chị Triệu Thị H (đại diện gia đình bị hại Triệu Sinh T) có đơn không yêu cầu giải quyết vấn đề bồi thường trách nhiệm dân sự, nhưng đề nghị Hội đồng xét xử, xử lý nghiêm trách nhiệm hình sự đối với bị cáo T1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bào chữa cho bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo Lương Văn T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị hại Triệu Sinh T; đại diện hợp pháp của bị hại Triệu Sinh T là ông Triệu Văn Đ và bà Triệu Thị X (bố, mẹ đẻ của T); người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Triệu Thị C (vợ bị hại T) đều có đơn xin xét xử vắng mặt và uỷ quyền cho chị Triệu Thị H (chị gái T) tham gia tố tụng; những người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ nhưng họ vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, sự vắng mặt của bị cáo và những người tham gia tố tụng nêu trên không gây trở ngại đến việc xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 290; 292; 293 của Bộ luật tố tụng hình sự, xét xử vắng mặt bị cáo và những người tham gia tố tụng nêu trên.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa bị cáo vắng mặt, tuy nhiên trong đơn xin xét xử vắng mặt bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội trong đơn xin xét xử vắng mặt của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với kết quả khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm phương tiện, kết luận thương tích, định giá tài sản và lời khai của đại diện bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 21 giờ ngày 30/9/2017 Lương Văn T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 82E1 – 139.74 chở Tô Văn C, Ngân Bá T lưu thông trên đường Quốc lộ 40 hướng xã P đi xã Đ, huyện N.

Khi đến địa giới hành chính thuộc thôn B, xã P do không tuân thủ tốc độ, không chú ý quan sát đã tông vào anh Triệu Sinh T đang đi bộ qua đường, hậu quả anh T bị thương tích 79%, tổng thiệt hại xe mô tô bị hư hỏng là 980.000 đồng đã phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” tội danh và hình phạt quy định tại điểm b khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên do Lương Văn T điều khiển xe mô tô không có giấy phép lái xe theo quy định đã vi phạm khoản 9 Điều 8 Luật giao thông đường bộ năm 2008, được sửa đổi bổ sung tại khoản 9 Điều 8 Luật Giao thông đường bộ số 15/VPQH ngày 05/7/2019 nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự, như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự an toàn giao thông được Bộ luật hình sự bảo vệ, gây thiệt hại đến sức khỏe, tài sản của người khác, gây tổn thương, tổn thất tinh thần của gia đình bị hại, vì vậy phải có hình phạt tương xứng với mức độ hành vi phạm tội mà cáo đã gây ra.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và trong đơn xin xét xử vắng mặt bị cáo đã thành khẩn khai báo; bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, hiểu biết pháp luật hạn chế, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[6] Về nhân thân: Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Tuy nhiên sau khi phạm tội, bị cáo bị Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Ng xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số: 63/2022/HS-ST ngày 27/7/2022, chấp hành xong án phạt tù ngày 30/4/2023.

Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị của đại diện bị hại. Thấy, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo sớm trở thành công dân có ích cho xã hội.

[7] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có thu nhập ổn định, gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo sinh sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Tại phiên toà hôm nay ông Nguyễn Văn Đ – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh K trong bài bào chữa cho bị cáo đồng tình quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng cũng như mức hình phạt và khẳng định lỗi gây tai nạn hoàn toàn do Lương Văn T gây ra, tuy nhiên bị cáo là người

dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, hiểu biết pháp luật hạn chế, hiện tại bị cáo bị liệt nửa người bên trái mức độ nặng ở tay và mức độ vừa ở chân. Liệt dây VII trung ương bên trái mức độ nhẹ, việc đi lại đang gặp khó khăn, nên đề nghị HĐXX xét xử xem xét cho bị cáo mức án nhẹ nhất của khung hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra và trước khi mở phiên toà, gia đình bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường tổng số tiền là 400.000.000 đồng, tuy nhiên tại phiên toà chị Triệu Thị H (đại diện gia đình bị hại): Kể từ khi bị cáo gây tai nạn cho em trai chị là Triệu Sinh T, bị cáo không một lời hỏi thăm, chia sẻ hay bồi thường gì cho Triệu Sinh T, chị đề nghị Hội đồng xét xử, xử lý nghiêm trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, còn về trách nhiệm bồi thường dân sự gia đình chị chưa thu thập được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho việc bồi thường, gia đình chị thống nhất không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết trong vụ án này, khi nào gia đình chị thu thập đầy đủ, sẽ yêu cầu Toà án giải quyết bằng một vụ án dân sự khác, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[10] Về xử lý vật chứng: 01 (một) giấy phép lái xe mang tên Tô Văn C; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Tô Văn C; 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc mang tên Tô Văn C. 01 (Một) xe mô tô BKS 82E1–139.74, nhãn hiệu: HONDA, số máy: JA36B0282931, số khung: 3625EY152652, màu sơn: Đen-Đỏ, dung tích: 109, loại xe hai bánh. Quá trình điều tra xác định: Tối ngày 30/9/2017, ông Tô Văn C uống rượu say không về được và có ý định ngủ lại tại lán, Lương Văn T nói “em chở anh về được” ông C không biết T1 đã có giấy phép lái xe hay chưa, mà chỉ nghe T1 nói T1 đi được nên giao xe cho T1, ông C cho rằng nếu ông biết T1 chưa có giấy phép lái xe thì ông không giao xe cho T1 tham gia giao thông. Việc T1 điều khiển xe mô tô tham gia giao thông gây tai nạn là ngoài ý muốn của ông, xét thấy lỗi gây tai nạn là hoàn toàn do T1 gây ra, không phụ thuộc vào ý thức chủ quan của ông C. Chiếc xe mô tô này là tài sản hợp pháp của ông C, nên xét trả lại chiếc xe mô tô và toàn bộ giấy tờ liên quan đến chiếc xe mô tô nói trên cho ông C là phù hợp với quy định của pháp luật.

[11] Về thương tích và trách nhiệm bồi thường dân sự đối với ông Tô Văn C, Ngân Bá T, quá trình điều tra và tại phiên toà xác định, họ đều bị thương tích nhẹ và không ai có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[12] Về hành vi giao xe cho người không đủ điều kiện tham gia giao thông đối với ông Tô Văn C: Quá trình điều tra và tại phiên toà đều chứng minh việc ông C giao xe cho Lương Văn T tham gia giao thông, ông C hoàn toàn không biết việc T1 không có giấy phép lái xe mô tô theo quy định, hơn nữa theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 27 Bộ luật hình

sự, thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với tội phạm ít nghiêm trọng là 05 năm kể từ ngày tội phạm thực hiện, tội phạm thực hiện vào ngày 30/9/2017 tính đến nay đã quá 05 năm, hết thời hạn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi nêu trên, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[13] Về án phí: Bị cáo thuộc hộ nghèo, cư trú vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, xét miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

[14] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, người bào chữa cho bị cáo là phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017; Điều 106, Điều 135, Điều 136, khoản 2 Điều 290, Điều 292, Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm đ Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lương Văn T phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lương Văn T 03 (Ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

4. Về vật chứng:

- Trả lại cho ông Tô Văn C (Tô Văn C) 01 (một) giấy phép lái xe mang tên Tô Văn C; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Tô Văn C; 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc mang tên Tô Văn C theo hồ sơ hình sự sơ thẩm thụ lý số 41/2024/TLST-HS ngày 29/8/2024.

- 01 (Một) xe mô tô BKS 82E1-139.74, nhãn hiệu: HONDA, số máy: JA36B0282931, số khung: 3625EY152652, màu sơn: Đen-Đỏ, dung tích: 109, loại xe hai bánh, theo biên bản giao nhận ngày 31 tháng 8 năm 2024 giữa Công an huyện N và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum.

5. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

6. Quyền kháng cáo: Người bào chữa; đại diện người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 29/10/2024.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh K;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND huyện N;
- VKSND tỉnh K;
- Công an huyện N;
- Bị cáo; Bị hại; Đ/d người bị hại;
- Người bào chữa; Người có QLNVLQ;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Bá Khen